

TRÁCH NHIỆM LIÊN ĐỐI CỦA VỢ CHỒNG TRONG QUAN HỆ VỚI NGƯỜI THỨ BA: TỪ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT ĐẾN THỰC TIỄN XÉT XỬ

HUỲNH ANH
Khoa Luật và Khoa học chính trị,
Trường Đại học An Giang,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 05/6/2026. Sửa chữa xong 01/7/2026. Duyệt đăng 10/7/2026.

Abstract

The joint and several liability of spouses toward third parties is a legal mechanism designed to secure the performance of obligations and protect lawful rights and interests in civil transactions. However, the application of the 2014 Law on Marriage and Family and the 2015 Civil Code in judicial practice continues to reveal several shortcomings. Through statutory analysis, comparison of legal provisions, and examination of selected judgments and judicial decisions, this article clarifies the grounds for joint and several liability, the legal consequences of joint and several obligations, the allocation of obligations between spouses, and the protection of third-party rights. Based on these findings, the article proposes recommendations to improve the legal framework and promote greater consistency in judicial practice.

Keywords: Common obligations, judicial practice, joint and several liability, spouses, third parties.

1. Đặt vấn đề

Trách nhiệm liên đới của vợ chồng trong quan hệ với người thứ ba vừa phản ánh đặc thù của quan hệ hôn nhân và gia đình, vừa bảo đảm an toàn pháp lý trong giao lưu dân sự. Chế định này được điều chỉnh đồng thời bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Bộ luật Dân sự năm 2015, nên việc áp dụng đòi hỏi phải phân biệt rõ căn cứ phát sinh nghĩa vụ, hệ quả của trách nhiệm liên đới và quan hệ phân bổ nghĩa vụ giữa vợ chồng. Thực tiễn xét xử cho thấy một số phán quyết còn chưa thống nhất trong việc xác định nghĩa vụ chung, phân biệt nghĩa vụ liên đới với nghĩa vụ theo phần và bảo đảm quyền định đoạt của người thứ ba. Trên cơ sở phân tích pháp luật hiện hành và một số bản án, quyết định tiêu biểu, bài viết làm rõ các vấn đề trên và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm liên đới của vợ chồng trong quan hệ với người thứ ba

2.1.1. Căn cứ phát sinh trách nhiệm liên đới của vợ chồng

Pháp luật hiện hành chưa đưa ra khái niệm cụ thể về nghĩa vụ chung của vợ chồng. Dưới góc độ lý luận, đây là nghĩa vụ mà theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, cả vợ và chồng phải chịu trách nhiệm đối với bên có quyền.

Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 ghi nhận các nghĩa vụ chung phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập; giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc tạo nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình; trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà pháp luật buộc vợ chồng cùng gánh chịu; và các căn cứ khác do pháp luật quy định.

Đối với giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xác định đây là những nhu cầu sinh hoạt thông thường không thể thiếu của cá nhân và gia đình. Do khái niệm này mang tính khái quát, việc áp dụng cần căn cứ vào mục đích giao dịch, điều kiện sống và

Email: hanh@agu.edu.vn.

khả năng kinh tế của gia đình. Đối với nghĩa vụ phát sinh từ sản xuất, kinh doanh, việc giao dịch được xác lập trong thời kỳ hôn nhân không tự thân làm phát sinh nghĩa vụ chung. Cần làm rõ mối liên hệ của nghĩa vụ với tài sản chung, hoạt động kinh tế chung hoặc nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình; sự tham gia, chấp thuận hay hưởng lợi của người còn lại chỉ là những dấu hiệu hỗ trợ đánh giá.

Nghĩa vụ chung và trách nhiệm liên đới có quan hệ chặt chẽ nhưng không đồng nhất. Điều 37 xác định căn cứ phát sinh nghĩa vụ chung; Điều 27 xác lập trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch, nghĩa vụ thuộc phạm vi luật định; còn Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 điều chỉnh phương thức thực hiện nghĩa vụ liên đới và quan hệ hoàn trả. Vì vậy, phải xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm trước khi áp dụng hệ quả liên đới.

Việc xác định nghĩa vụ chung còn phụ thuộc vào chế độ tài sản của vợ chồng. Với chế độ tài sản theo luật định, căn cứ trực tiếp là Điều 37; với chế độ tài sản theo thỏa thuận, trước hết phải căn cứ nội dung thỏa thuận, nếu thỏa thuận không quy định hoặc không rõ thì áp dụng các nguyên tắc chung và quy định tương ứng của chế độ luật định theo Điều 28 và Điều 48 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Bên cạnh các nghĩa vụ chung tại Điều 37, khoản 1 Điều 27 còn quy định trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện trong trường hợp đại diện giữa vợ và chồng và giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, căn cứ phát sinh trách nhiệm liên đới phải được xem xét trong mối liên hệ giữa Điều 27, các điều 24, 25, 26, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

2.1.2. Cơ chế pháp lý của trách nhiệm liên đới

a. Bản chất pháp lý của trách nhiệm liên đới

Trách nhiệm liên đới của vợ chồng là cơ chế bảo đảm thực hiện các giao dịch, nghĩa vụ thuộc phạm vi Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, không phải một loại nghĩa vụ độc lập. Cơ chế này phản ánh sự gắn kết về lợi ích tài sản trong gia đình, đồng thời bảo vệ người thứ ba trước rủi ro một bên không có khả năng thanh toán.

b. Hệ quả pháp lý đối với người thứ ba

Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch và nghĩa vụ thuộc phạm vi luật định. Trách nhiệm này phát sinh khi giao dịch hoặc nghĩa vụ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều luật (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2019a, tr. 230).

Theo Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015, bên có quyền có thể yêu cầu bất kỳ người nào trong số những người có nghĩa vụ liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Quyền này không phụ thuộc vào việc phần nghĩa vụ của từng người được xác định bằng nhau hoặc không bằng nhau (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2019b, tr. 47). Vì vậy, người thứ ba có thể yêu cầu vợ, chồng hoặc cả hai thực hiện nghĩa vụ mà không bị giới hạn bởi việc phân bổ nghĩa vụ trong quan hệ giữa họ.

c. Phân bổ nghĩa vụ trong quan hệ giữa vợ và chồng

Tài sản chung của vợ chồng được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ chung theo khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân hoặc khi ly hôn không làm mất hiệu lực của quyền, nghĩa vụ đã xác lập với người thứ ba, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Nếu tài sản chung không đủ để thanh toán, trách nhiệm liên đới không vì thế mà chấm dứt; bên có quyền vẫn có thể yêu cầu vợ, chồng hoặc cả hai thực hiện phần nghĩa vụ còn lại.

Phân bổ nghĩa vụ trong quan hệ giữa vợ và chồng là việc xác định phần trách nhiệm cuối cùng mà mỗi bên phải gánh chịu. Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chưa quy định trực tiếp cách phân bổ. Khi vợ chồng không có thỏa thuận, việc xác định phần nghĩa vụ ngang nhau có thể được xem là phương án phù hợp với nguyên tắc bình đẳng tại Điều 17 và Điều 29. Tuy nhiên, bình đẳng không nhất thiết đồng nghĩa với chia đôi trong mọi trường hợp. Theo tác giả, khi có căn cứ về nguồn gốc, mục đích của nghĩa vụ, mức độ tham gia hoặc lợi ích thực tế khác nhau, các yếu tố này cần được xem xét để xác định phần nghĩa vụ phù hợp. Việc phân bổ trong quan hệ giữa vợ và chồng không làm thay đổi quyền yêu cầu của người thứ ba.

d. Quan hệ hoàn trả sau khi thực hiện nghĩa vụ liên đới

Dưới góc độ lý luận, nghĩa vụ hoàn trả phát sinh khi một chủ thể đã thực hiện thay nghĩa vụ về tiền

hoặc lợi ích vật chất cho chủ thể khác đối với người thứ ba (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2019b, tr. 51). Theo khoản 2 Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015, khi một bên vợ hoặc chồng đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ liên đới, người đó có quyền yêu cầu bên còn lại thực hiện phần nghĩa vụ thuộc trách nhiệm của họ đối với mình. Phần nghĩa vụ trong quan hệ giữa vợ và chồng là căn cứ xác định phạm vi hoàn trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.2. Thực tiễn áp dụng trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với người thứ ba

2.2.1. Thực tiễn xác định căn cứ làm phát sinh trách nhiệm liên đới

Khó khăn phổ biến phát sinh khi giao dịch chỉ do một bên vợ hoặc chồng trực tiếp xác lập nhưng người thứ ba yêu cầu cả hai cùng thực hiện nghĩa vụ. Việc giao dịch phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hoặc chỉ có chữ ký của một bên chưa đủ để khẳng định hay loại trừ trách nhiệm của người còn lại. Tòa án phải xác định giao dịch có thuộc khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 hoặc một trong các nghĩa vụ chung tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 hay không.

Từ các vụ án được khảo sát có thể khái quát bốn nhóm tình tiết cần xem xét: thời điểm phát sinh nghĩa vụ; mục đích và việc sử dụng tiền, tài sản trên thực tế; mối liên hệ của nghĩa vụ với tài sản chung hoặc hoạt động kinh tế chung; sự thỏa thuận, tham gia, xác nhận nghĩa vụ hoặc hưởng lợi của người không trực tiếp giao kết. Các tình tiết này phải được đánh giá trong mối liên hệ tổng thể, không được coi là căn cứ độc lập ngoài các trường hợp luật định.

Bản án số 14/2024/DS-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định buộc người vợ liên đới đối với khoản vay 80.000.000 đồng do người chồng xác lập để nuôi tôm. Nuôi tôm là hoạt động sản xuất, kinh doanh, không trực tiếp thuộc nhu cầu thiết yếu theo khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Vì vậy, kết quả giải quyết chỉ có cơ sở nếu khoản vay phát sinh từ sự thỏa thuận chung, gắn với tài sản chung hoặc hoạt động kinh tế chung thuộc Điều 37; mục đích tạo thu nhập để chi tiêu gia đình chưa đủ để đồng nhất hoạt động kinh doanh với nhu cầu thiết yếu.

Trong Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh số 287/2024/DS-GĐT ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (Quyết định 287/2024/DS-GĐT), khoản nợ mua thức ăn nuôi cá gắn với ao nuôi là tài sản chung; người vợ có ký nhận hàng và cùng xác nhận khoản nợ có chung nguồn gốc. Chuỗi tình tiết này cho thấy nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc khai thác tài sản chung và có sự tham gia thực tế của cả hai vợ chồng. Việc buộc họ liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ vì vậy phù hợp với khoản 3 Điều 37, khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngược lại, trong Bản án số 132/2023/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre ngày 17/4/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Bản án số 132/2023/DS-PT), khoản vay 60.000.000 đồng tuy phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng chỉ do người vợ thực hiện; người chồng không tham gia, không biết và không thừa nhận khoản vay. Người cho vay cũng không chứng minh được tiền vay được sử dụng cho nhu cầu thiết yếu, hoạt động kinh tế chung hoặc lợi ích gia đình. Tòa án không buộc người chồng liên đới trả nợ là phù hợp.

Sự khác biệt giữa hai phán quyết không nằm ở việc giao dịch có chữ ký của cả hai vợ chồng hay không, mà ở mức độ đầy đủ và tính liên kết của chứng cứ. Quyết định số 287/2024/DS-GĐT dựa trên tài sản chung, hoạt động kinh tế gia đình và sự tham gia thực tế; Bản án số 132/2023/DS-PT không có chứng cứ đáng tin cậy ngoài thời điểm phát sinh khoản vay. Cách đối chiếu này khẳng định không thể suy đoán nghĩa vụ chung chỉ từ tình trạng hôn nhân.

Bản án của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre số 173/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản cho thấy giá trị của hành vi thừa nhận và cam kết thực hiện nghĩa vụ. Từ nhận tiền 180.000.000 đồng chỉ có chữ ký của người vợ, nhưng người chồng biết khoản nợ và từng hứa cùng thanh toán. Những tình tiết này có giá trị chứng minh cao hơn việc “biết” đơn thuần; tuy nhiên, để áp dụng khoản 1 Điều 37, cần xác định hành vi đó thể hiện sự thỏa thuận tiếp nhận, cùng thực hiện nghĩa vụ hay chỉ là sự hỗ trợ thanh toán.

Có thể nhận diện hai khuynh hướng xét xử: một là xác định trách nhiệm liên đới trên cơ sở chuỗi

chứng cứ về mục đích giao dịch, việc sử dụng tài sản, mối liên hệ với hoạt động chung và sự tham gia của người còn lại; hai là dựa nhiều vào thời kỳ hôn nhân, việc người còn lại biết giao dịch hoặc không chứng minh được nghĩa vụ riêng. Khuynh hướng thứ nhất phù hợp hơn, vì vừa tránh mặc nhiên coi mọi nghĩa vụ trong thời kỳ hôn nhân là nghĩa vụ chung, vừa không cho phép một bên phủ nhận trách nhiệm chỉ vì không trực tiếp ký kết.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng hệ quả pháp lý của trách nhiệm liên đới

Sau khi xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm liên đới, Tòa án phải áp dụng đúng hệ quả pháp lý và thể hiện chính xác trong phần quyết định. Theo Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015, mỗi người có nghĩa vụ liên đới đều chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nghĩa vụ trước bên có quyền; việc xác định phần nghĩa vụ chỉ thuộc quan hệ giữa vợ và chồng. Vì vậy, một bản án có thể xác định đúng nghĩa vụ chung nhưng vẫn áp dụng chưa chính xác nếu chuyển nghĩa vụ liên đới thành các nghĩa vụ theo phần.

Về hệ quả pháp lý, Quyết định số 287/2024/DS-GĐT buộc vợ chồng liên đới thanh toán toàn bộ số tiền 3.130.956.000 đồng, không chia khoản nợ thành các phần riêng biệt. Cách tuyên này phù hợp với Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 và bảo đảm người thứ ba không phải gánh chịu rủi ro do một bên không có khả năng thanh toán.

Bản án số 218/2025/DS-PT ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về tranh chấp hợp đồng góp hụi cũng giữ nguyên quyết định buộc vợ chồng liên đới trả khoản nợ hụi 135.000.000 đồng, thay vì chia mỗi người 67.500.000 đồng. Phán quyết phân biệt đúng nghĩa vụ liên đới với nghĩa vụ theo phần. Tuy nhiên, việc tuyên đúng hệ quả không thay thế yêu cầu chứng minh căn cứ phát sinh trách nhiệm; trong vụ án này, các tình tiết về việc cùng làm kinh tế và sử dụng tiền hụi cho kinh tế gia đình vẫn cần được đánh giá chặt chẽ.

Ở chiều ngược lại, Bản án số 14/2025/HNGĐ-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước về tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn (Bản án số 14/2025/HNGĐ-ST) xác định khoản vay 110.000.000 đồng là nghĩa vụ liên đới nhưng phần quyết định lại buộc mỗi người trả 55.000.000 đồng. Cách tuyên này chuyển nghĩa vụ liên đới thành nghĩa vụ theo phần: trách nhiệm của mỗi người bị giới hạn trong số tiền đã ấn định và phần không thi hành được của một bên không thể yêu cầu bên kia thực hiện. Nếu việc chia đôi xuất phát từ phạm vi yêu cầu hoặc sự chấp thuận của người cho vay, bản án phải xác định rõ căn cứ đó; nếu không, việc chia chỉ có giá trị trong quan hệ giữa vợ và chồng.

Khi tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ, có quan điểm đề nghị nguyên tắc chia đôi nghĩa vụ nhằm bảo đảm rõ ràng và phù hợp với nguyên tắc bình đẳng (Ngô Thị Hương, 2025, tr. 24). Cách tiếp cận này thuận lợi nhưng có thể cứng nhắc nếu bỏ qua thỏa thuận, nguồn gốc, mục đích, mức độ tham gia và lợi ích thực tế của mỗi bên.

Quan điểm khác cho rằng bên có tài sản riêng phải dùng tài sản đó thực hiện nghĩa vụ và không phát sinh hoàn trả (Nông Thị Thoa, 2022). Việc không có tài sản riêng chủ yếu phản ánh khả năng thực hiện nghĩa vụ, nên chưa đủ cơ sở loại trừ quyền hoàn trả đối với mọi nghĩa vụ chung. Theo tác giả, đối với nghĩa vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nếu một bên vừa không có tài sản riêng, vừa thực sự không có khả năng kinh tế thì có thể xác định bên đó không phải hoàn trả phần nghĩa vụ tương ứng. Đây chỉ nên là ngoại lệ, được cân nhắc trên cơ sở khoản 2 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và hoàn cảnh kinh tế thực tế của mỗi bên.

2.2.3. Bảo đảm quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người thứ ba

Theo Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, trừ trường hợp vợ chồng và người thứ ba có thỏa thuận khác. Vì vậy, việc ly hôn, chia tài sản hoặc phân bổ khoản nợ giữa vợ chồng không đương nhiên làm thay đổi quyền của chủ nợ. Tòa án phải làm rõ người thứ ba yêu cầu ai thực hiện nghĩa vụ, yêu cầu toàn bộ hay một phần, có chấp thuận giao nghĩa vụ cho một bên hay miễn nghĩa vụ cho người còn lại hay không.

Bản án số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương về ly hôn, tranh chấp tài sản chung và nợ chung khi ly hôn cho thấy vai trò của yêu cầu từng chủ nợ. Đối

với khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp, việc giao ông Q thực hiện phù hợp với ý chí của Ngân hàng và vẫn bảo lưu quyền xử lý tài sản bảo đảm. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng yêu cầu cả ông Q và bà P cùng thực hiện nhưng Tòa án lại giao riêng bà P thanh toán. Nếu khoản vay là nghĩa vụ chung và chủ nợ không chấp thuận thay đổi, việc phân bổ cho bà P chỉ có giá trị trong quan hệ giữa vợ và chồng, không làm chấm dứt trách nhiệm của ông Q.

Bản án số 45/2020/HNGĐ-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Y về việc chia khoản nợ chung sau ly hôn phân biệt rõ hơn phạm vi yêu cầu của chủ nợ và phân bổ nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hai khoản vay tổng cộng 52.000.000 đồng được sử dụng cho công việc chung; Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H, người đứng tên vay, thanh toán. Tòa án buộc bà H trả toàn bộ cho Ngân hàng và buộc ông H1 trả bà H 26.000.000 đồng (Thư viện pháp luật, 2022).

Việc buộc ông H1 trả 26.000.000 đồng về bản chất là xác định phần nghĩa vụ giữa vợ và chồng, chưa phải giải quyết quyền hoàn trả theo khoản 2 Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015, vì bản án chưa cho thấy bà H đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Đồng thời, việc Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H trong vụ án không đương nhiên đồng nghĩa với miễn nghĩa vụ hoặc từ bỏ quyền đối với ông H1; hậu quả này phải được xác định từ ý chí của bên có quyền.

Như đã phân tích tại mục 3.2, Bản án số 14/2025/HNGĐ-ST chuyển nghĩa vụ liên đới thành nghĩa vụ theo phần nhưng không làm rõ người cho vay có chấp thuận việc sửa đổi phương thức thực hiện nghĩa vụ hay không. Nếu không có thỏa thuận, việc chia đôi chỉ điều chỉnh quan hệ giữa vợ chồng và không hạn chế quyền của người cho vay theo Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ các trường hợp được khảo sát có thể phân biệt ba dạng thể hiện ý chí của bên có quyền: (i) lựa chọn yêu cầu một hoặc tất cả những người có nghĩa vụ liên đới thực hiện; (ii) thỏa thuận với những người có nghĩa vụ để sửa đổi nội dung hoặc phương thức thực hiện, kể cả chuyển thành nghĩa vụ theo phần; (iii) và miễn thực hiện nghĩa vụ cho một người, với hậu quả pháp lý được xác định theo khoản 3 và khoản 4 Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015. Việc chỉ yêu cầu một người thanh toán không đương nhiên được hiểu là đã miễn hoặc từ bỏ quyền đối với người còn lại.

Để bảo đảm quyền của người thứ ba, Tòa án phải làm rõ phạm vi yêu cầu và nội dung định đoạt của từng chủ nợ; đồng thời tách biệt trách nhiệm của vợ chồng đối với chủ nợ với việc phân bổ nghĩa vụ trong quan hệ giữa vợ và chồng. Thỏa thuận của vợ chồng hoặc quyết định giao khoản nợ cho một bên chỉ làm thay đổi quyền của người thứ ba khi người này chấp thuận. Cách tiếp cận đó vừa bảo vệ chủ nợ, vừa ngăn Tòa án mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi trách nhiệm khi chưa có căn cứ pháp luật và ý chí của bên có quyền.

2.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Từ những bất cập được nhận diện cần hoàn thiện pháp luật theo ba hướng sau:

2.3.1. Hướng dẫn thống nhất tiêu chí xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm liên đới

Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đã xác định các trường hợp làm phát sinh trách nhiệm liên đới và nghĩa vụ chung, nhưng chưa hướng dẫn cụ thể cách phân biệt giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giao dịch thuộc phạm vi đại diện và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh tế do một bên xác lập. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần hướng dẫn đánh giá tổng hợp mục đích giao dịch, việc sử dụng tiền hoặc tài sản, mối liên hệ với tài sản chung hoặc hoạt động kinh tế chung, cùng sự thỏa thuận, tham gia, xác nhận hoặc hưởng lợi của người còn lại. Các yếu tố này chỉ là dấu hiệu đánh giá chứng cứ, không phải căn cứ độc lập ngoài các trường hợp luật định.

2.3.2. Làm rõ hiệu lực của việc phân bổ nghĩa vụ giữa vợ và chồng đối với người thứ ba

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chưa quy định rõ ảnh hưởng của việc phân bổ nghĩa vụ đối với quyền của người thứ ba. Vì vậy, cần bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc thỏa thuận hoặc phân bổ nghĩa vụ giữa vợ và chồng không làm thay đổi quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ liên đới của bên có quyền, trừ trường hợp bên có quyền thể hiện rõ sự chấp thuận đối với việc thay đổi chủ thể, phạm vi hoặc phương thức thực hiện nghĩa vụ.

Việc bên có quyền chỉ yêu cầu một bên thực hiện nghĩa vụ không đương nhiên làm chấm dứt quyền yêu cầu đối với bên còn lại trong phạm vi nghĩa vụ chưa được thực hiện.

Việc miễn thực hiện nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của việc miễn được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ liên đới.”

2.3.3. Bổ sung quy định về phân bổ nghĩa vụ chung và quyền hoàn trả giữa vợ và chồng

Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chưa quy định rõ cách phân bổ nghĩa vụ chung trong quan hệ giữa vợ và chồng, nhất là khi tài sản chung không đủ để thanh toán. Vì vậy, nên bổ sung một điều mới sau Điều 60 theo hướng: *“Phần nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ giữa vợ và chồng được xác định căn cứ vào thỏa thuận, nguồn gốc, mục đích của nghĩa vụ, mức độ tham gia và lợi ích thực tế của mỗi bên. Nếu không đủ căn cứ xác định tỷ lệ khác thì phần nghĩa vụ được xác định ngang nhau. Trường hợp một bên đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ liên đới, bên đó có quyền yêu cầu bên còn lại hoàn trả phần nghĩa vụ thuộc trách nhiệm của họ.”*

3. Kết luận

Trách nhiệm liên đới của vợ chồng chỉ phát sinh khi giao dịch hoặc nghĩa vụ thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, bao gồm giao dịch thuộc phạm vi đại diện giữa vợ và chồng, giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu và nghĩa vụ chung về tài sản theo Điều 37. Trách nhiệm này không thể được suy đoán chỉ từ thời kỳ hôn nhân hoặc việc một bên trực tiếp xác lập giao dịch.

Khi trách nhiệm liên đới phát sinh, phải phân biệt quyền yêu cầu của người thứ ba với việc phân bổ nghĩa vụ trong quan hệ giữa vợ và chồng và quyền hoàn trả. Thực tiễn xét xử đòi hỏi Tòa án xác định đúng căn cứ phát sinh, phạm vi yêu cầu của chủ nợ và bảo đảm sự thống nhất giữa nhận định với quyết định. Pháp luật vì vậy cần được hướng dẫn cụ thể hơn về tiêu chí xác định trách nhiệm liên đới, hiệu lực của việc phân bổ đối với người thứ ba và quan hệ hoàn trả giữa vợ chồng.

Tài liệu tham khảo

- Ngô Thị Hường (2025). Nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng – Pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp. *Tạp chí Nghề Luật*, (7), 19–24.
- Nông Thị Thoa (2022). *Nghĩa vụ chung, nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ, chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. <https://tapchitoaan.vn/nghia-vu-chung-nghia-vu-rieng-ve-tai-san-cua-vo-chong-theo-luat-hon-nhan-va-gia-dinh-nam-20145828.html>
- Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình*. Luật số 52/2014/QH13, ngày 19/6/2014.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự*. Luật số: 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.
- Thư viện pháp luật (2022). *Bản án số 45/2020/HNGĐ-ST ngày 27/8/2020 về việc chia khoản nợ chung sau ly hôn của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Y*. Thư viện bản án. <https://thuvienphapluat.vn/banan/tin-tuc/tong-hop-07-ban-an-ve-giai-quet-tranh-chap-no-chung-khi-ly-hon-4823.html>.
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (2024). *Quyết định giám đốc thẩm số 287/2024/DS-GĐT ngày 21/11/2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*. <https://fdvn.vn/wp-content/uploads/2025/11/luu-ban-nhap-tu-dong-5-4.pdf>.
- Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (2024). *Bản án số 173/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-vay-tai-san-so-1732024dsst-364414>.
- Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (2025). *Bản án số 14/2025/HNGĐ-ST ngày 26/02/2025 về tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-chia-tai-san-chung-va-no-chung-sau-khi-ly-hon-so-142025hngdst-375034>.
- Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (2023). *Bản án số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023 về ly hôn, tranh chấp tài sản chung và nợ chung khi ly hôn*. <https://congbobanan.toaan.gov.vn/3ta1366705t1cvn/>.
- Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (2024). *Bản án số 14/2024/DS-ST ngày 11/01/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-vay-tai-san-so-142024dsst-310408>.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (2023). *Bản án số 132/2023/DS-PT ngày 17/4/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. https://congbobanan.toaan.gov.vn/5ta1182332t1cvn/ban_an_phat_hanh_Loan_Yen.pdf.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (2025). *Bản án số 218/2025/DS-PT ngày 23/4/2025 về tranh chấp hợp đồng góp hội*. <https://congbobanan.toaan.gov.vn/3ta1842978t1cvn/>.
- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2019a). *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam* (Tái bản có sửa đổi, bổ sung). NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.
- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2019b). *Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng* (Tái bản có sửa đổi, bổ sung). NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.